

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 01 - 2018

V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG – TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. bà Phạm Thị Anh

2. bà Nguyễn Thị Hương

Thư ký phiên tòa: ông Ngân Mai Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông – tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hoan -Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 60/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST ngày 05/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Vi Thị V - sinh năm 1975.

Nơi đăng ký NKTT: bản X, xã ĐP, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: bản KT, xã TN, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: anh Lữ Xuân Đ – sinh năm 1976.

Trú tại: bản X, xã ĐP, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 31/8/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vi Thị V trình bày: giữa chị và bị đơn anh Lữ Xuân Đ kết hôn với nhau vào ngày 05/12/2008 tại UBND xã TN, huyện Con

Cuông, tỉnh Nghệ An, Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được hơn một tháng. Đến đầu năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi cọ chửi bới xúc phạm lẫn nhau, đã nhiều lần anh Đ đánh đập chị thậm tệ, khiến chị không chịu đựng nổi. Nguyên nhân là do quan điểm, tính cách không phù hợp, anh Đ không quan tâm chăm sóc vợ con. Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn bị đơn anh Lữ Xuân Đ.

- Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng chị có một người con chung tên là Lữ Xuân T, sinh ngày 14/3/2009 hiện cháu đang sống cùng anh Đ tại bản X, xã ĐP, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng giao con cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành vì hiện nay hoàn cảnh của chị rất khó khăn không đủ điều kiện để chăm sóc cháu được và cấp dưỡng tiền nuôi con 500.000 đồng/tháng với phương thức 6 tháng một/lần.

- Về tài sản chung: chị và anh Lữ Xuân Đ thỏa thuận tự chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lữ Xuân Đ trình bày: vợ chồng anh kết hôn với nhau vào ngày 05/12/2008 tại UBND xã TN, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm, tính cách không phù hợp. Việc mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, vợ chồng vẫn có thể khắc phục, sửa chữa trở về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh không đồng ý.

- Về con chung: vợ chồng anh có một con chung tên là Lữ Xuân T, sinh ngày 14/3/2009. Hiện cháu T đang sống cùng anh tại bản X, xã ĐP, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, nhưng anh chỉ yêu cầu cấp dưỡng trong 3 năm với phương thức một lần là 36.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: vợ chồng thỏa thuận tự chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có

Quá trình giải quyết vụ án, và tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2017 cháu Lữ Xuân T có nguyện vọng được sống với anh Lữ Xuân Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: giải quyết cho chị Vi Thị V được ly hôn anh Lữ Xuân Đ; giao con chung Lữ Xuân T, sinh ngày 14/3/2009 cho anh Lữ Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi, trưởng thành. Chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 600.000 đồng; chị V chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về tranh chấp ly hôn; bị đơn hiện cư trú tại huyện Con Cuông nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên sau khi ly hôn nên theo quy định, Tòa án xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp và mức thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn UBND xã TN, huyện Con Cuông là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: xét chị Vi Thị V và anh Lữ Xuân Đ đăng ký kết hôn ngày 05/12/2008 tại UBND xã TN, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là tự

nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn tại điều 8, điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm tính cách không phù hợp. Từ năm 2011 vợ chồng ly thân. Như vậy, chị V và anh Đ đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng, không sống chung với nhau mà không có lý do chính đáng.

Xét thấy, giữa chị V và anh Đ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Vi Thị V được ly hôn với anh Lữ Xuân Đ.

Về con chung: chị V và anh Đ có một người con chung tên là Lữ Xuân T, sinh ngày 14/3/2009. Các đương sự đã thống nhất với nhau về việc giao con cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Xem xét về mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung: trong các phiên hòa giải chị V xin hoãn cấp dưỡng tiền nuôi con vì chị cho rằng hoàn cảnh kinh tế của chị rất khó khăn, chị đang sống phụ thuộc vào bố mẹ đẻ, không đủ điều kiện để cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng với phương thức 6 tháng lần. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 15/12/2017 tại UBND xã TN, huyện Con Cuông, có thể xác định: mức thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã TN năm 2017 theo thống kê là 14.400.000 đồng/người/năm, tương đương 1.200.000 đồng/người/tháng. Do không xác định được mức chi phí nuôi dưỡng trẻ từ 1 – 8 tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng mức bình quân đầu người để làm cơ sở tính toán mức cấp dưỡng hợp lý đối với con chung.

Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 71 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì anh Đ và chị V có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên nên mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí nuôi con. Anh Đ yêu cầu cấp dưỡng một lần, chị V không đồng ý. Như vậy các bên không thống nhất được phương thức cấp dưỡng nên để đảm bảo khả năng thi hành án Hội đồng xét xử áp dụng phương thức cấp dưỡng mỗi tháng 1 lần. Từ những lập luận trên, thấy: cần buộc chị Vi Thị V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 600.000 đồng/tháng là phù hợp.

Về tài sản chung: do các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: chị Vi Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Vi Thị V được ly hôn anh Lữ Xuân Đ;

- Về con chung: giao con chung Lữ Xuân T, sinh ngày 14/3/2009 cho anh Lữ Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc chị Vi Thị V cấp dưỡng nuôi con chung 600.000 đồng/tháng với phương thức một tháng một lần kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/01/2018) cho đến khi con chung trưởng thành.

Chị V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu chị V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Anh Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Vi Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0003301 ngày 03/11/2017. Chị V còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND H. Con Cuông
- Chi cục THADS H. Con Cuông
- UBND xã TN
- Lưu Hồ sơ, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

PHAN HỒNG LỢI